

Bản án số: 176/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09-10-2024

“Tranh chấp ly hôn và

nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Phước Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Như Quỳnh

2. Ông Trần Tấn Kiệt

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ý là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Đỗ Thuý Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 163/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thanh V**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Lô T, số M, đường số B, phường Tr, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà **Lưu Kim N**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ T, ấp C, xã KB, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

(Ông V có mặt, bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại tòa án nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V trình bày:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh V và bà Lưu Kim N có đăng ký kết hôn tại UBND xã KB, huyện K, tỉnh Kiên Giang vào ngày 16/3/2015, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng khoảng đến năm 2021 vợ chồng bắt đầu phát sinh những mâu thuẫn với nhau về quan điểm sống, kinh tế và về nuôi dưỡng con chung, hiện nay tình cảm không thể hàn gắn được nên ông V xin được ly hôn với bà N.

Về con chung: Có hai người con chung tên Nguyễn Vĩnh P, sinh ngày 10/05/2015 và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 20/11/2018, hiện nay hai con đang sinh sống cùng với bà N và theo nguyện vọng của các con nên ông V đồng ý giao hai con chung cho bà N nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do hiện nay công việc làm ăn của ông V gặp rất nhiều khó khăn nên ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung, mỗi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng, hai con là 8.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, nếu sau này công việc làm ăn phát triển hơn ông sẽ chu cấp thêm.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung : Không có nợ chung.

Toà án đã tiến hành xác minh và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn bà Lưu Kim N, tuy nhiên cho đến nay bà N không có bản trình bày ý kiến và bà N cũng không yêu cầu toà án lấy lời khai, do đó toà án không ghi nhận được ý kiến của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thẩm quyền giải quyết được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bà N vắng mặt lần hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về áp dụng pháp luật: Ông Nguyễn Thanh V và bà Lưu Kim N có đăng ký kết hôn tại UBND xã KB, huyện K, tỉnh Kiên Giang và được UBND xã KB cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 16/3/2015. Do đó, hôn nhân của ông V và bà N đã tuân thủ đúng quy định pháp luật về Luật Hôn nhân và gia đình, do vậy HĐXX áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa ông V và bà N là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến khoảng năm 2021 vợ chồng bắt đầu phát sinh những mâu thuẫn với nhau về quan điểm sống, kinh tế và về nuôi dưỡng con chung và hiện nay ông bà không còn sống chung và chăm sóc lẫn nhau do đó hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của ông V và bà N ý kiến của mẹ bà N và chị dâu bà N cũng xác nhận hiện nay ông V và bà N có mâu thuẫn và mâu thuẫn đã phát sinh từ lâu, hiện nay ông V và bà N cũng không còn sống chung nhà, mỗi người có cuộc sống riêng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó, HĐXX nhận thấy hôn nhân giữa ông V và bà N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V xin được ly hôn với bà N là có cơ sở và đúng quy định.

[5] Về con chung: HĐXX nhận thấy, hiện nay hai con chung đang được bà Ngân chăm sóc nuôi dưỡng và hai cháu đang được đi học tại nơi sinh sống của bà N, ông V cũng đồng ý giao hai con chung cho bà N nuôi dưỡng, đồng thời ý kiến cháu P cũng đồng ý sống với bà N khi cha mẹ ly hôn. Xét về điều kiện để phát triển tinh thần, thể chất cũng như điều kiện sinh hoạt, học hành của các con chung. HĐXX nhận thấy, việc giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Do đó HĐXX giao hai người con chung tên Nguyễn Vĩnh P, sinh ngày 10/5/2015 và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 20/11/2018 cho bà N nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông V tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung, mỗi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng, hai con là 8.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 15/11/2024 Xét về mức cấp dưỡng này cao hơn quy định của pháp luật về cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX ghi nhận.

[6] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Ông V trình bày không có. Bà N không có ý kiến nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Án phí HNGĐ-ST là 300.000đ và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng là 150.000 đồng do ông V tự nguyện cấp dưỡng trước khi mở phiên tòa nên chịu 50% án phí. Vì vậy ông V phải chịu tổng án phí là 450.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao.

1/ Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh V.

Về hôn nhân: Buộc bà Lưu Kim N ly hôn với ông Nguyễn Thanh V.

Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Vĩnh P, sinh ngày 10/5/2015 và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 20/11/2018 cho bà N nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, ông V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi người con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng, hai con là 8.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 15/11/2024.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom chăm sóc con chung.

Bảo lưu quyền yêu cầu việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu xem xét nên HĐXX miễn xét.

Nợ chung: Ông V trình bày không có. Bà N không có ý kiến nên HĐXX không xem xét.

2/ Án phí: Án phí HNGĐ-ST là 300.000đ và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng là 150.000 đồng, ông V phải chịu và được khấu trừ vào án phí tạm nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0004080 ngày 02/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang, ông V phải nộp thêm án phí 150.000 đồng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Đương sự;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Giang Phước Thành